

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/05/2018

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Bình Định và ông Nguyễn Thái Bảo
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị N, sinh năm 1982; ĐKKH tại: xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cư trú tại: xóm 3, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1981; Cư trú tại: xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phùng Thị N và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 24/12/2002 là quê của chị N. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm 1, xã Đ, huyện K. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau vì mâu thuẫn nên chị N anh T sống ly thân nhau từ đầu năm 2013 đến nay.

Nguyên đơn chị Phùng Thị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm lối sống, bất đồng về quan điểm làm ăn kinh tế. Mặt khác anh T không lo toan đến công việc gia đình không chăm lo chăm sóc vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Mặc dù chị đã cố gắng tìm cách khắc phục và đã được hai bên gia đình hai bên khuyên giải nhưng không cải thiện được nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2013, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được chị yêu cầu giải quyết ly hôn giải phóng cho cả hai.

Bị đơn anh Hoàng Văn T cho rằng tự chị N sinh sự rồi bỏ đi từ đầu năm 2013 đến nay. Nay chị N ly hôn với anh, anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: vợ chồng chị N và anh T đều xác định có 2 con chung là Hoàng Xuân H sinh ngày 23/10/2003, Hoàng Thị Hương G sinh ngày 27/9/2008 hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cả 2 con chung và yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị, số tiền là 2 triệu đồng / 1 tháng kể từ khi anh chị ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh T yêu cầu anh được nuôi một con chung và chị N nuôi một con chung tùy theo nguyện vọng của các con và không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Con chung của hai anh chị là các cháu Hoàng Xuân H và Hoàng Thị Hương G khi được hỏi ý kiến đều có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Về tổ tụng người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Phùng Thị N và Hoàng văn T; giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị Hương G; giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Xuân H; chị N phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: chị Phùng Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Hoàng Văn T cư trú tại xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 26 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Hoàng Văn T được Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2, Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Chị Phùng Thị N và anh Hoàng Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/12/2002 tại UBND xã T; sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn; do mâu thuẫn vợ chồng đến năm 2013 chị N về xóm 3, xã T, huyện K sống ly thân với anh T. Tuy nguyên nhân diễn biến mâu thuẫn dẫn đến việc sống ly thân hai bên trình bày khác biệt nhau nhưng trong quá trình giải quyết hai bên đều xác định vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên hiện nay không thể chung sống cùng nhau được nữa. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh T tại UBND xã Đ là nơi anh T cư trú thì chính quyền địa phương xác nhận từ năm 2013 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N và các con đã từ xã Đ về xã T sinh sống cho đến nay.

[3] Như vậy tuy nguyên nhân mâu thuẫn các bên trình bày khác nhau nhưng đều xác định vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được hai bên đã ly thân từ năm 2013 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh T mặc dù biết chị N yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung; do đó chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể chung sống cùng nhau được là có căn cứ. Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh T và chị N hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình yêu cầu của chị N ly hôn anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Vợ chồng anh T và chị N có 2 con chung Hoàng Xuân H và Hoàng Thị Hương G được chị N nuôi dưỡng từ năm 2013 đến nay. Chị N yêu cầu được nuôi cả hai con chung nếu vợ chồng ly hôn; anh T không đồng ý để chị N trực tiếp nuôi cả hai con chung khi vợ chồng ly hôn mà yêu cầu được nuôi một con chung; nhưng hiện tại anh T bỏ đi khỏi địa phương, các con chung của hai anh chị là các cháu Hoàng Xuân H và Hoàng Thị Hương G khi được hỏi ý kiến đều có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn; căn cứ thực tế nuôi dưỡng và Điều 81 luật HNGĐ yêu cầu mỗi người nuôi một con chung khi ly hôn của anh T không được chấp nhận mà giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Hoàng Thị Hương G cháu Hoàng Xuân H là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N đề xuất mức cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi tháng là 2.000.000 đồng/ 02 con/tháng (1.000.000đ/ cháu/tháng), hiện tại về điều kiện thu nhập hai anh chị đều làm nghề tự do phổ thông, thu nhập không cao; nên mức đóng góp này của chị đưa ra là phù hợp với thực tế thu nhập được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Khi ly hôn hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: chị N tự nguyện nộp án phí ly hôn và án phí nuôi con theo quy định căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 đề xuất của chị được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phùng Thị N và anh Hoàng Văn T.

2/ Giao chị Phùng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Hoàng Xuân H sinh ngày 23/10/2003 và Hoàng Thị Hương G sinh ngày 27/9/2008 đến khi thành niên. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Bác yêu cầu của anh Hoàng Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục 01 con chung khi vợ chồng ly hôn.

4/ Buộc anh Hoàng Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị N 2.000.000 đồng/ 02 con/tháng. Cụ thể: cháu Hoàng Xuân H kể từ tháng 5/2018 đến khi thành niên; cháu Hoàng Thị Hương G kể từ tháng 5/2018 đến khi thành niên.

5/ Chị Phùng Thị N phải nộp 300.000^d án phí ly hôn và 300.000^d án phí nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2789 ngày 31/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, còn phải nộp tiếp 300.000^d.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Kim Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kim Sơn;
- UBND xã Định Hóa
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Anh